

## I

Ngày xưa, một người đàn ông đồn củi và vợ sống trong một khu rừng lớn.

Không đâu, không đâu, không đâu, không đâu các bạn ạ, các bạn cứ yên tâm đi, đây không phải là câu chuyện *Chú bé tí hon!* Hoàn toàn không phải. Bản thân tôi cũng giống như các bạn thôi, tôi rất ghét cái câu chuyện ngớ ngẩn. Có ai thấy ở nơi đâu và thời buổi nào mà cha mẹ lại bỏ rơi con cái chỉ vì không thể nuôi được chúng không? Thôi hãy bỏ qua chuyện này đi...

Trở lại với khu rừng này, nơi mà vào mùa đông cái đói và giá lạnh luôn luôn thường trực. Còn vào mùa hè, thì cái nóng lại ngọt ngào bao trùm khắp cánh rừng, làm xua tan được cái giá lạnh. Nhưng cái đói thì trái lại, vẫn luôn hiện diện, chẳng cách gì xua đi được, nhất là vào thời điểm mà chiến tranh thế giới đang hoành hành xung quanh khu rừng này.

Chiến tranh thế giới, vâng, vâng, vâng.

Người đàn ông đốn củi bị bắt đi làm lao dịch công ích – nhưng thực ra ông ta chỉ làm lợi cho những kẻ thặng trận đang chiếm giữ các thành phố, làng mạc, đồng ruộng và rừng cây – còn vợ ông ta, một người đàn bà kiếm củi, từ sáng sớm đến tối mịt, rảo bước trong rừng, hy vọng kiếm được cái gì đó chỉ để đắp đổi qua ngày nhưng cũng thường là thất vọng.

May mắn thay – trong cái rủi lại có cái may, vợ chồng người đốn củi này không có con cái phải nuôi dưỡng.

Hàng ngày, ông đốn củi vẫn cảm ơn trời đất về cái ân huệ này. Nhưng người vợ thì lại một mình âm thầm thở than.

Dương nhiên bà không có con để nuôi nấng là may mắn nhưng lại buồn tủi vì không có ai để mà âu yếm, nâng niu.

Bà chỉ biết cầu nguyện trời đất, thần thánh, gió mưa, cây cỏ, cầu nguyện mặt trời, ngay cả khi mặt trời đối với bà cũng chỉ là những tia sáng xuyên qua cành lá làm lung linh, óng ánh tầng dưới của rừng cây như một cảnh thần tiên. Bà cầu khẩn tất cả những Đấng thiêng liêng hùng mạnh của trời đất và thiên nhiên ban ơn, để một ngày nào đó, đưa đến cho bà một đứa bé.

Dần dần khi đã lớn tuổi, bà hiểu ra rằng các Đấng thiêng liêng trời đất, các bậc thần tiên đều đứng về phía phe ông chồng mà ngăn cản để bà không được nuôi con.

Kể từ đó bà chỉ biết cầu nguyện để mong sao thoát được cái lạnh và cái đói mà bà phải chịu đựng suốt từ tối đến sáng, suốt cả ngày lẫn đêm.

Người đàn ông đồn củi thường thức dậy từ sáng tinh mơ để dành trọn thời gian và sức lực của mình cho việc xây dựng hàng loạt trại lính vì lợi ích chung và ngay cả cho các sỹ quan.

Còn người vợ, ngay cả khi trời gió, trời mưa, trời tuyết hoặc trời nóng ngột ngạt mà như tôi đã nói với các bạn, bà vẫn sải bước trong rừng khắp tất cả các ngã, nhặt từng cành củi nhỏ, từng mảnh củi khô, cứ thế nhặt và xếp chúng lại và xem như đó là một báu vật đã bị lãng quên và đã được tìm thấy lại. Bà cũng gỡ những cái bẫy hiểm hoai mà ông chồng đồn củi đặt lúc sáng trên đường đi làm.

Bà vợ của người đồn củi, chắc các bạn sẽ đồng ý với tôi thôi, bà không có gì nhiều để giải khuây. Bà đi mà bụng đói meo, đầu óc tư tưởng đến những nguyện ước mơ hồ. Rồi bà cũng chỉ biết cầu nguyện trời đất cho bà được ăn no dầu chỉ là một ngày thôi.

Khu rừng nhỏ, giờ đã trở thành khu rừng riêng của bà, rồi thành khu rừng lớn, rộng bao la, rậm rạp, đứng đưng với cái lạnh, cái đói. Và từ khi chiến tranh thế giới bùng nổ, người ta đã huy động cánh đàn ông và cả các loại máy móc cực mạnh, xẻ dọc cánh rừng này để đặt các thanh đường sắt, thế là từ đó, mùa đông cũng như mùa hạ, chỉ một con tàu duy nhất, chạy lui, chạy tới trên cái đường sắt độc đáo này.

Người vợ tội nghiệp của ông đồn củi thích nhìn con tàu chạy qua, bà coi như đó là con tàu của riêng mình. Lòng rạo rức, bà nhìn theo con tàu và hình dung mình

đang ở trên con tàu đó, vì thế bà đã dứt bỏ được cái đói, cái lạnh và cả cái cô đơn.

Dần dà, bà điều chỉnh cuộc sống của mình, những khoảnh khắc trong ngày của mình theo lộ trình đi ngang qua cửa con tàu. Con tàu chẳng có dáng vẻ tươi vui gì. Con tàu chỉ có những toa bằng gỗ, kín mít trừ một cái cửa song sắt được trở phía trên mái. Nhưng vì trong đời bà chưa bao giờ thấy những con tàu nào khác cả, nên chỉ một chiếc tàu này thôi là bà đã thấy được lắm rồi. Nhất là từ khi được nghe chồng bà giải đáp rằng đó là một con tàu chở hàng.

Chữ “hàng” rốt cuộc cũng đã chinh phục được trái tim và cũng đã kích thích được trí tưởng tượng của bà vợ ông đốn củi.

“Hàng”! Con tàu chở hàng... Từ nay, mỗi lần bà thấy con tàu chạy qua, đầy ắp đồ ăn, quần áo, vật dụng, là bà tưởng như mình đang đi trên tàu, tiêu thụ mọi thứ thoải mái, no nê.

Dần dà, sự phấn khích đã biến thành một tia hy vọng. Một ngày nào đó, chắc rồi ngày đó phải đến, không phải ngày mai thì sẽ là ngày kia hoặc bất kỳ một lúc nào, con tàu kết cục sẽ thương cảm nỗi đói nghèo của bà mà bố thí cho bà một món hàng quý giá.

Dần dần, bà cố liều tiến sát con tàu càng gần càng tốt, bà gọi, bà vẫy, bà khẩn cầu nó, hoặc chỉ đơn giản là vẫy chào nó khi bà đang ở quá xa không thể chạy đến kịp.

Cuối cùng, cũng có một vài lần, có một bàn tay thò ra khỏi cửa song sắt, đáp lại lời cầu khẩn của bà. Cũng có đôi

lần, một cánh tay ném một thứ gì đó dành cho bà và thế là bà chạy theo để nhặt, lòng thắm cảm ơn con tàu và cái bàn tay ấy.

Nhiều lần bà chỉ nhặt được một mẩu giấy, bà vuốt nó lại cho ngay ngắn, cầm trên tay một cách cẩn thận trước khi gấp nó lại và áp ủ nó vào lòng. Phải chăng đó chính là điểm báo cho một món quà của tương lai?

Một thời gian lâu sau khi con tàu đi qua, lúc màn đêm buông xuống, là khi bà cảm thấy cái đói dày vò và cái lạnh cắt da cắt thịt, rồi để nhằm giảm đi nỗi đau xót trong lòng, bà đã mở tờ giấy ra với một niềm sùng kính, bà ngắm nhìn nét chữ nguệch ngoạc, không hiểu được gì và cũng chẳng đoán ra được gì. Bà không biết đọc cũng không biết viết bất kỳ thứ ngôn ngữ nào. Ông chồng bà thì biết đọc chút ít nhưng bà lại không muốn chia sẻ với ông cũng như chia sẻ với bất kỳ ai cái mà con tàu đã ban tặng cho bà.